**DANH SÁCH ĐẠI BIỂU**
**DỰ ĐẠI HỘI KHUYẾN HỌC LẦN THỨ II, NHIỆM KỲ 2022-2027**
(Kèm theo Thông báo triệu tập số 03/TB-HKH ngày 06 tháng 7 năm 2022 của BCH Hội Khuyến học)

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Liên chi hội hoặc chi hội | Chức danh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Đức Cân | 1963 | BGH | Chủ tịch HKH | |
| 2 | Trần Hoàng Long | 1975 | BGH | Hiệu trưởng | |
| 3 | Phạm Thị Thu Hoài | 1977 | HĐT | Chủ tịch HĐT | |
| 4 | Nguyễn Ngọc Khương | 1964 | BGH | Phó Hiệu trưởng | |
| 5 | Nguyễn Ngọc Toản | 1968 | P.TCCB | Phó Chủ tịch Hội | |
| 6 | Phạm Thị Thư | 1966 | Khoa KHCB | Phó Chủ tịch Hội | |
| 7 | Mai Thị Lụa | 1980 | Khoa QTKD | UVBCH | |
| 8 | Ngô Thị Mai | 1973 | Khoa LLCT | UVBCH | |
| 9 | Lê Mạnh Thắng | 1977 | P. CTSV | UVBCH | |
| 10 | Vũ Hồng Thanh | 1982 | P. TSTT | UV BTV | |
| 11 | Nguyễn Trường Giang | 1977 | P. Đào tạo | UV BCH | |
| 12 | Trần Ngọc Ban | 1978 | P. Hành Chính | UV BCH | |
| 13 | Trần Thị Kim Liên | 1975 | P. Tài chính kế toán | UV BCH | |
| 14 | Vũ Thị Thu Huyền | 1973 | P. TCCB | UV BCH | |
| 15 | Lưu Khánh Cường | 1973 | Khoa QT&MKT | UV BCH | |
| 16 | Nguyễn Hữu Quang | 1980 | Khoa Cơ khí | UV BCH | |
| 17 | Võ Thu Hà | 1979 | Khoa Điện | UV BCH | |
| 18 | Phùng Thị Lan Hương | 1975 | Khoa TCNH | UV BCH | |
| 19 | Nguyễn Thị Chi | 1973 | Khoa Thương Mại | Trưởng Liên chi | |
| 20 | Đinh Thị Kim Xuyến | 1977 | Khoa Kế toán | UV BCH | |
| 21 | Đặng Thị Thanh Quyên | 1977 | Khoa Thực phẩm | UV BCH | |
| 22 | Nguyễn Hoàng Chiến | 1978 | Khoa CNTT | UV BCH | |
| 23 | Trần Trọng Thân | 1981 | Khoa GDTC | UV BCH | |
| 24 | Bùi Huy Hải | 1974 | Khoa Điện tử | UV BCH | |
| 25 | Hoàng Thị Minh Lý | 1978 | Khoa Ngoại ngữ | Trưởng Liên chi | |
| 26 | Giáp Văn Dương | 1989 | Đại diện đoàn TN, | Đại diện đoàn TN, Hội SV | |
| 27 | Phạm Thị Thu | 1980 | CNTP | Chi hội Trưởng CBGV | |
| 28 | Lê Thị Tuyết Nhung | 1971 | Trung tâm CNSH | Hội viên | |
| 29 | Lê Trung Hiếu | 2003 | CNTP | Cán bộ lớp ĐHTP15A1 | |
| 30 | Nguyễn Hà Phương | 2003 | CNTP | Cán bộ lớp ĐHTP15A1 | |
| 31 | Trần Văn Đại | 2002 | CNTP | Cán bộ lớp ĐHTP14A1 | |
| 32 | Cao Ngọc Ánh | 1981 | CNTT | Phó trưởng Khoa | |
| 33 | Trần Thị Hương | 1981 | CNTT | Tổ trưởng CĐ cơ sở NĐ | |
| 34 | Trần Minh Đức | 1988 | CNTT | Tổ trưởng CĐ cs Hà Nội | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Hoàng Thị Minh Châu | 1985 | CNTT | Tổ phó CĐ cơ sở Hà Nội | |
| 36 | Lê Thị Thu Hiền | 1987 | CNTT | Bí thư Liên chi Đoàn | |
| 37 | Trần Văn Đức | 2002 | CNTT | CB lớp DH TI14A4 HN | |
| 38 | Nguyễn Thị Loan | 2002 | CNTT | CB lớp DH TI14A10 HN | |
| 39 | Nguyễn Quang Học | 2002 | CNTT | CB lớp DH TI14A5 HN | |
| 40 | Nguyễn Hữu Mạnh | 2002 | CNTT | CB lớp DH TI14A4 HN | |
| 41 | Chu Khánh Linh | 2003 | CNTT | CB lớp DH TI15A20 HN | |
| 42 | Nguyễn Thành Nam | 2002 | CNTT | CB lớp DH TI14A4 HN | |
| 43 | Vũ Thị Kim Thoa | 2003 | CNTT | CB lớp DH TI15A19 HN | |
| 44 | Nguyễn Xuân Tiến | 2003 | CNTT | CB lớp DH TI15A22 HN | |
| 45 | Nguyễn Văn Thịnh | 2002 | CNTT | CB lớp DH TI14A1NĐ | |
| 46 | Trần Minh Hiếu | 2003 | CNTT | CB lớp DH TI15A1NĐ | |
| 47 | Trần Phương Thúy | 1988 | Kế toán | Phó trưởng liên chi | |
| 48 | Trần Thị Thanh Thúy | 1985 | Kế toán | Phó trưởng BM Kiểm toán | |
| 49 | Trần Thị Luận | 1989 | Kế toán | Giảng viên Khoa Kế toán | |
| 50 | Nguyễn Thị Hằng | 1978 | Kế toán | Giảng viên Khoa Kế toán | |
| 51 | Trần Thị Quyên | 1986 | Kế toán | Giảng viên Khoa Kế toán | |
| 52 | Nguyễn Thị Thanh Phượng | 2002 | Kế toán | SV lớp DHKT14A16HN | |
| 53 | Trịnh Thị Tú Linh | 2002 | Kế toán | SV lớp DHKT14A7HN | |
| 54 | Lê Tuấn Duy | 2003 | Kế toán | SV lớp DHKT15A3HN | |
| 55 | Phạm Thị Thảo | 2002 | Kế toán | SV lớp DHKT14A12HN | |
| 56 | Phạm Minh Trang | 2002 | Kế toán | SV lớp DHKT14A11HN | |
| 57 | Đỗ Thị Thùy Linh | 2002 | Kế toán | SV lớp DHKT14A2CL | |
| 58 | Ngô Thu Trang | 2002 | Kế toán | SV lớp DHKT14A12HN | |
| 59 | Nguyễn Thị Hiền | 2003 | Kế toán | SV lớp DHKT15A2ND | |
| 60 | Vũ Hoài Anh | 1982 | Khoa Cơ khí | Chi hội phó | |
| 61 | Dương Hải Nam | 1969 | Khoa Cơ khí | Hội viên | |
| 62 | Trần Vũ Lâm | 1972 | Khoa Cơ khí | Hội viên | |
| 63 | Vũ Đức Thắng | 2002 | Khoa Cơ khí | DHCK14A2HN | |
| 64 | Trần Ngọc Thể | 2000 | Khoa Cơ khí | ĐHCĐT12A1HN | |
| 65 | Trần Minh Chiến | 2002 | Khoa Cơ khí | ĐHCĐ14ANĐ | |
| 66 | Hoàng Trọng Hưng | 2001 | Khoa Cơ khí | Chi hội trưởng ĐHCK13A1NĐ | |
| 67 | Trần Đình Dũng | 2001 | Khoa Cơ khí | ĐHCK13A1NĐ | |
| 68 | Trần Hồng Sơn | 2001 | Khoa Cơ khí | ĐHCK13A1NĐ | |
| 69 | Nguyễn Tiến Trung | 2001 | Khoa Cơ khí | ĐHCK13A1NĐ | |
| 70 | Trần Thị Kim Phượng | 1983 | QT & Maketting | P.Tổ trưởng CĐ | |
| 71 | Nguyễn Thị Lan Anh | 1981 | QT & Maketting | P.Tổ trưởng CĐ | |
| 72 | Nguyễn Tiến Mạnh | 1978 | QT & Maketting | Tổ trưởng CĐ | |
| 73 | Đoàn Thị Giang Thanh | 2002 | QT & Maketting | Sinh viên | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 74 | Vũ Thị Ngọc Bích | 2003 | QT & Maketting | Sinh viên | |
| 75 | Phạm Huyền Trang | 2001 | QT & Maketting | Sinh viên | |
| 76 | Cao Tuấn Đạt | 2001 | QT & Maketting | Sinh viên | |
| 77 | Nguyễn Thu Thảo | 2002 | QT & Maketting | Sinh viên | |
| 78 | Nguyễn Thúy Hải | 1988 | Khoa Thương Mại | Tổ trưởng tổ Công đoàn | |
| 79 | Phạm Mai Hoa | 2002 | Khoa Thương Mại | Sinh viên | |
| 80 | Phạm Thị Hồng Lan | 2003 | Khoa Thương Mại | Sinh viên | |
| 81 | Nguyễn Thị Phượng | 2001 | Khoa Thương Mại | Sinh viên | |
| 82 | Nguyễn Hồng Ngọc | 2001 | Khoa Thương Mại | Sinh viên | |
| 83 | Vũ Thị Thục Oanh | 1982 | Khoa TCNH | Phó trưởng Liên chi | |
| 84 | Nguyễn Hồng Yến | 1984 | Khoa TCNH | Chi hội Trưởng CBGV | |
| 85 | Hoàng Thị Ngọc Trân | 2002 | Khoa TCNH | LT ĐHTN14A1HN | |
| 86 | Nguyễn Thị Kiều Linh | 2002 | Khoa TCNH | Phó bí thư ĐHTN14A6HN | |
| 87 | Phạm Đức Duy | 2002 | Khoa TCNH | L. Phó ĐHTN14A1HN | |
| 88 | Phạm Hải Ninh | 2003 | Khoa TCNH | LT ĐHTN15A1NĐ | |
| 89 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 2003 | Khoa TCNH | Bí thư ĐHTN15A1NĐ | |
| 90 | Nguyễn Hải Bình | 1982 | Khoa Điện | Chi hội trưởng | |
| 91 | Đinh Thị Hằng | 1983 | Khoa Điện | Hội viên | |
| 92 | Phạm Văn Huy | 1981 | Khoa Điện | Chi hội phó | |
| 93 | Nguyễn Huy Hoàng | 2002 | Khoa Điện | DHTD14A2HN | |
| 94 | Hà Văn Hải | 2001 | Khoa Điện | DHDI13A2HN | |
| 95 | Đào Ngọc Ninh Hải | 2003 | Khoa Điện | DHTD15A1NĐ | |
| 96 | Ngọ Thuỳ Trang | 2002 | Khoa Điện | DHDI14A1HN | |
| 97 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 2002 | Khoa Điện | DHTD14A1HN | |
| 98 | Chu Bình Minh | 1979 | Khoa KHUD | Phó khoa KHUD | |
| 99 | Cao Thị Thanh Xuân | 1979 | Khoa KHUD | Trưởng Liên chi | |
| 100 | Trần Thị Kim Thanh | 1986 | Khoa KHUD | Tổ phó tổ Công đoàn | |
| 101 | Nguyễn Ngọc Minh | 1981 | Khoa DL&KS | Phó khoa, phụ trách khoa | |
| 102 | Trần Tuấn Anh | 1978 | Khoa DL&KS | Tổ trưởng công đoàn | |
| 103 | Đỗ Thị Phượng | 1986 | Khoa DL&KS | Giảng viên | |
| 104 | Nguyễn Mạnh Toàn | 1984 | Khoa LLCT | Phó bộ môn Pháp luật | |
| 105 | Đoàn Thị Hiền | 1988 | Khoa LLCT | GV _ Hội viên | |
| 106 | Phạm Cao Cường | 1978 | Khoa GDTC | Chi hội trưởng | |
| 107 | Phạm Quang Đức | 1980 | Khoa GDTC | Hội viên | |
| 108 | Phạm Thanh Loan | 1987 | Phòng TT_PC | Chi hội trưởng | |
| 109 | Phạm Nhất Khiêm | 1978 | TT NN_TH | Chi hội trưởng | |
| 110 | Nguyễn Thị Hải Yến | 1980 | Phòng TSTT | Hội viên | |
| 111 | Phạm Văn Học | 1973 | Phòng HCQT | Chi hội trưởng | |
| 112 | Phan Thị Thái | 1981 | Phòng TCCB | Chi hội trưởng | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 113 | Nguyễn Anh Tuấn | 1968 | Phòng CTSV | Tổ trưởng tổ CĐ HN | |
| 114 | Trần Thị Nhuần | 1982 | Phòng CTSV | Tổ trưởng tổ CĐ cơ sở NĐ | |
| 115 | Hoàng Thị Huyền | 1987 | Phòng TCKT | Chi hội trưởng | |
| 116 | Trần Thị Mỹ Linh | 1982 | TTHTQT | Phó GĐTT | |
| 117 | Phạm Đình Chiến | 1988 | TT Thư viện | Chi hội trưởng | |
| 118 | Đỗ Văn Nghiêm | 1982 | TT QPAN | Chi hội trưởng | |
| 119 | Đỗ Thị Minh Hạnh | 1981 | Phòng KHCN | Chi hội trưởng | |
| 120 | Vũ Sinh Lương | 1972 | TTQLXD&DV | Chi hội trưởng | |
| 121 | Lưu Thị Mai Lan | 1979 | TTKT&ĐBCL | Hội viên | |
| 122 | Đỗ Thị Tuyết Lan | 1973 | Khoa Dệt May | Phó Khoa, Trưởng Liên chi | |
| 123 | Bùi Thị Thu Hiền | 1976 | Khoa Dệt May | Phó Tổ trưởng Công đoàn | |
| 124 | Trần Nguyên Lân | 1982 | Khoa Dệt May | Bí thư Liên chi | |
| 125 | Bùi Thị Thủy | 2001 | Khoa Dệt May | SV-ĐHM13A2NĐ | |
| 126 | Trần Minh Ánh | 2002 | Khoa Dệt May | SV-ĐHM14A1NĐ | |
| 127 | Nguyễn Ngọc Ánh | 2003 | Khoa Dệt May | SV-ĐHM15A2NĐ | |
| 128 | Châu Thanh Phương | 1970 | Khoa Điện tử | Phó trưởng khoa | |
| 129 | Nguyễn Hồng Long Anh | 2001 | Khoa Điện tử | DHDT13A1HN | |
| 130 | Nguyễn Hoàng Anh | 2002 | Khoa Điện tử | DHDT14A1CL | |
| 131 | Nguyễn Văn Thiệm | 2003 | Khoa Điện tử | DHDT15A1HN | |
| 132 | Hoàng Tiến Mạnh | 2003 | Khoa Điện tử | DHDT15A3HN | |
| 133 | Đỗ Thị Ngọc Lan | 1977 | Khoa Ngoại ngữ | Phó trưởng liên chi | |
| 134 | Vũ Việt Phương | 1982 | Khoa Ngoại ngữ | Phó trưởng khoa NN | |
| 135 | Trần Thị Bích Ngọc | 2003 | Khoa Ngoại ngữ | Lớp trưởng DHNN15A2CL | |
| 136 | Ninh Thị Hoa | 2001 | Khoa Ngoại ngữ | SV lớp DHNN13A1HN | |
| 137 | Lê Thị Phương Thảo | 2002 | Khoa Ngoại ngữ | Bí thư lớp DHNN14A1HN | |
| 138 | Đồng Thị Lệ Quyên | 2002 | Khoa Ngoại ngữ | SV Lớp DHNN14A2HN | |